

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phường phê chuẩn)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	119.109.000.000	3.858.000.000	115.251.000.000	171.225.043.679	24.569.226.783	146.655.816.896	144%	637%	127%
	Trong đó									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	73.316.896.435	193.896.435	73.123.000.000	80.782.590.177	4.065.520.406	76.717.069.771	110%		105%
2	Chi khoa học và công nghệ	-								
3	Chi quốc phòng	1.008.000.000	-	1.008.000.000	-		1.082.682.731	0%		107%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.463.000.000		2.463.000.000	2.211.551.016		2.211.551.016	90%		90%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	220.000.000		220.000.000	219.883.800		219.883.800	100%		100%
6	Chi văn hóa thông tin	795.000.000		795.000.000	823.044.000		823.044.000	104%		104%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	386.000.000		386.000.000	386.000.000		386.000.000	100%		100%
8	Chi thể dục thể thao	244.000.000		244.000.000	287.000.000		287.000.000	118%		118%
9	Chi bảo vệ môi trường	2.510.877.750	196.877.750	2.314.000.000	2.510.877.750	196.877.750	2.314.000.000	100%		100%
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.536.478.488	449.478.488	2.087.000.000	14.955.644.320	10.278.634.050	4.677.010.270	590%		224%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.023.993.000	2.622.993.000	25.401.000.000	45.776.980.670	9.633.440.250	36.143.540.420			
12	Chi bảo đảm xã hội	3.696.754.327	394.754.327	3.302.000.000	11.832.672.647	394.754.327	11.437.918.320	320%		346%
13	Chi khác	93.000.000		93.000.000	-		-			
14	Dự phòng ngân sách	3.815.000.000		3.815.000.000						
15	Chi chuyển nguồn sang năm sau						9.983.831.522			
16	Chi nộp trả NS cấp trên						372.285.046			